

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH (Tên tiếng Việt)	: Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
NGÀNH (Tên tiếng Anh)	: Contrastive Linguistics
MÃ NGÀNH	: 9220241
TRÌNH ĐỘ	: Tiến sĩ
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO	: Chính quy
KHOA QUẢN LÝ	: Quốc tế học

Đà Nẵng, 2025

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Contrastive Linguistics
3. Trình độ đào tạo:	Tiến sĩ
4. Mã ngành đào tạo:	9220241
5. Đối tượng tuyển sinh:	Theo quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT, của Đại học Đà Nẵng và của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng
6. Thời gian đào tạo:	3 – 4 năm
7. Loại hình đào tạo:	Chính quy
8. Số tín chỉ tích lũy tối thiểu:	- Đối với NCS chưa có bằng Thạc sĩ phải tích lũy đủ 120 tín chỉ - Đối với NCS có bằng Thạc sĩ ngành gần phải tích lũy đủ 112 tín chỉ - Đối với NCS đã có bằng Thạc sĩ ngành đúng và ngành phù hợp phải tích lũy đủ 90 tín chỉ
9. Khoa quản lý:	Quốc tế học
10. Ngôn ngữ:	Tiếng Việt
11. Website:	http://khoaqth.ufl.udn.vn/
12. Thang điểm:	Thang điểm 4
13. Điều kiện tốt nghiệp:	Theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ, Quy chế đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng

14. Văn bằng tốt nghiệp:	Tiến sĩ Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu
15. Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên, giảng viên, nghiên cứu viên về các ngôn ngữ tại các trường phổ thông cơ sở và phổ thông trung học, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp. - Quản lý, chuyên viên cao cấp về ngoại ngữ, đặc biệt là Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, biên - phiên dịch ngoại ngữ cho các tổ chức giáo dục, các đơn vị hành chính sự nghiệp
16. Khả năng nâng cao trình độ:	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc sau tiến sĩ trong và ngoài nước. - Tự học và học suốt đời để phát triển bản thân và thăng tiến trong sự nghiệp công việc.

II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Tiến sĩ ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu có mục tiêu trang bị cho học viên kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về Ngôn ngữ học và Việt ngữ học trên cơ sở phân tích, so sánh, đối chiếu với các ngôn ngữ khác; có năng lực thực hành và nghiên cứu độc lập, sáng tạo; có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề khoa học mới, có khả năng thực hiện những nhiệm vụ thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn; tham gia đào tạo đại học và sau đại học; có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp; có khả năng thích ứng cao trong môi trường làm việc đa văn hoá và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

a. Về kiến thức

- Cung cấp kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về Ngôn ngữ học và tiếng Việt trong tương quan so sánh, đối chiếu với các ngôn ngữ khác: Kiến thức về ngôn ngữ học đại cương, ngữ âm học, ngữ pháp học, từ vựng - ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, v.v.

- Cung cấp kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu theo chuyên ngành hẹp nhằm hướng nghiệp cho các định hướng chuyên môn cụ thể.

- Cung cấp kiến thức về ngôn ngữ và văn hoá các nước trên thế giới để người học có cơ sở vận dụng vào nghiệp vụ biên – phiên dịch và tổ chức nghiên cứu, đào tạo trong các lĩnh vực chuyên môn.

b. Về kỹ năng

- Phát triển năng lực sử dụng thành thạo các phương pháp xử lý ngôn ngữ học và các thủ pháp phân tích đối chiếu ngôn ngữ.

- Phát triển năng lực thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu một cách độc lập hoặc theo nhóm, có khả năng lãnh đạo nhóm nghiên cứu trong lĩnh vực Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.

- Phát triển kỹ năng nghiên cứu và giảng dạy chuyên đề ở trình độ đại học và sau đại học ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.

- Phát triển kỹ năng vận dụng sáng tạo và có hiệu quả các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn công việc, và thương mại hoá sản phẩm nghiên cứu theo nhu cầu của các bên liên quan trong lĩnh vực Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.

- Xây dựng năng lực quản lý, tổ chức, điều hành, hướng dẫn nhóm nghiên cứu chuyên môn thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.

- Phát triển kỹ năng phát hiện, phân tích, tranh biện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực nghiên cứu một cách sáng tạo, độc đáo, và có hiệu quả.

c. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Đề xuất các sáng kiến, ý tưởng mới, và có khả năng đánh giá được giá trị của các sáng kiến trong lĩnh vực Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.

- Có khả năng tự định hướng, quản lý, và dẫn dắt người khác thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu chuyên sâu về Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.

- Có khả năng thích ứng với môi trường làm việc đa văn hoá và hội nhập quốc tế.

Như vậy, có thể tóm tắt mục tiêu đào tạo cụ thể của chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, như sau:

- **PO1:** Người học có kiến thức tiên tiến, chuyên sâu về Ngôn ngữ học và tiếng Việt trong tương quan so sánh, đối chiếu với các ngôn ngữ khác, cụ thể: kiến thức về ngôn ngữ học đại cương, ngữ âm học, ngữ pháp học, từ vựng - ngữ nghĩa học, ngữ dụng học; kiến thức ngôn ngữ và văn hoá một số nước trên thế giới để có cơ sở vận dụng vào nghiệp vụ biên – phiên dịch và tổ chức nghiên cứu, đào tạo trong các lĩnh vực chuyên môn.

- **PO2:** Người học có khả năng sử dụng thành thạo các phương pháp xử lý ngôn ngữ học và các thủ pháp phân tích đối chiếu ngôn ngữ; để có thể vận dụng sáng tạo và có hiệu quả các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn công việc, và thương mại hoá sản phẩm nghiên cứu theo nhu cầu của các bên liên quan trong lĩnh vực Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, nhằm rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề, tăng cường khả năng thích ứng với các công việc có liên quan đến nghiệp vụ so sánh, đối chiếu các ngôn ngữ trong môi trường làm việc đa văn hoá và hội nhập quốc tế.

- **PO3:** Người học có khả năng tự định hướng, quản lý, và dẫn dắt người khác thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu chuyên sâu về Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes: PLOs)

Người học tốt nghiệp tiến sĩ CTĐT ngành Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra Bậc 8 (đối với Tiến sĩ) theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, người học có khả năng:

- **PLO1:** *Ứng dụng* kiến thức chuyên sâu thuộc lĩnh vực khoa học ngôn ngữ và các thủ pháp phân tích, đối chiếu ngôn ngữ vào công việc thực tế.
 - PI 1.1: Xác định đúng các loại hình và kỹ thuật phân tích, đối chiếu ngôn ngữ.
 - PI 1.2: Ứng dụng hiệu quả các thủ pháp phân tích, đối chiếu ngôn ngữ vào công việc thực tế.
- **PLO2:** *Dự báo* xu hướng vận động và phát triển của tiếng Việt trong tương quan so sánh với các ngôn ngữ khác.
 - PI 2.1: Lựa chọn đúng cơ sở lý thuyết, mô hình và giả thuyết nghiên cứu xu hướng phát triển của tiếng Việt trong tương quan với các ngôn ngữ khác.
 - PI 2.2: Sử dụng các kỹ thuật so sánh, đối chiếu ngôn ngữ một cách phù hợp để nhận diện xu hướng vận động, phát triển của tiếng Việt.
 - PI 2.3: Đánh giá một cách đầy đủ các tác động của những xu hướng phát triển của tiếng Việt trong tương quan với các ngôn ngữ khác.
- **PLO3:** *Dự báo* xu hướng giao thoa văn hóa và giao tiếp liên văn hóa của các nước có ngôn ngữ được sử dụng phổ biến tại Việt Nam và trên thế giới.
 - PI 3.1: Lựa chọn đúng cơ sở lý thuyết, mô hình và giả thuyết nghiên cứu xu hướng giao thoa văn hoá và giao tiếp liên văn hóa của các nước có ngôn ngữ được sử dụng phổ biến tại Việt Nam và trên thế giới.
 - PI 3.2: Sử dụng hiệu quả các kỹ thuật thu thập và xử lý dữ liệu để có thể phân tích được xu hướng giao thoa văn hoá và giao tiếp liên văn hóa của các nước có ngôn ngữ được sử dụng phổ biến tại Việt Nam và trên thế giới.
 - PI 3.3: Đánh giá một cách hiệu quả các tác động của xu hướng giao thoa văn hoá và tiếp nhận văn học của các nước có ngôn ngữ được sử dụng phổ biến tại Việt Nam và trên thế giới
- **PLO4:** *Thực hiện* nghiên cứu khoa học về so sánh và đối chiếu tiếng Việt với các ngôn ngữ khác để có thể ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn công việc.
 - PI 4.1: Xây dựng đề cương nghiên cứu phù hợp trên cơ sở xác định đúng những đóng góp của đề tài về mặt khoa học, lý luận, và thực tiễn.
 - PI 4.2: Viết thành công báo cáo tổng thuật của đề tài nghiên cứu.
 - PI 4.3: Tham gia một phần hoặc chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan đến chuyên ngành đào tạo.
- **PLO5:** *Tạo ra* nguồn tài nguyên và tài liệu cho công việc học tập, nghiên cứu ngôn ngữ có hiệu quả.

- PI 5.1: Vận dụng các kỹ thuật cần thiết để tổng quan tài liệu sẵn có nhằm nhận diện khoảng trống nghiên cứu làm cơ sở để xây dựng nguồn tài nguyên và học liệu liên quan đến ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.
- PI 5.2: Đề xuất các giải pháp hợp lý nhằm giải quyết những vấn đề trong nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ đương đại.
- PI 5.3: Công bố được công trình khoa học trên các tạp chí khoa học, hội thảo chuyên ngành tại Việt Nam hoặc nước ngoài, đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định, có liên quan đến chuyên ngành đào tạo.
- **PLO6:** *Phát triển* các kỹ năng mềm cần thiết để có thể thích ứng, định hướng và hợp tác với người khác trong việc tổ chức nghiên cứu và ứng dụng những thành tựu mới trong lĩnh vực so sánh, đối chiếu ngôn ngữ.
- PI 6.1: Phát triển kỹ năng trình bày và giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hoá nhằm chủ động tổ chức nghiên cứu và ứng dụng những thành tựu mới trong lĩnh vực so sánh, đối chiếu ngôn ngữ.
- PI 6.2: Ứng dụng một cách hiệu quả các phần mềm, công nghệ xử lý ngôn ngữ vào công việc thực tế.
- PI 6.3: Phát triển kỹ năng cần thiết để có thể tư vấn, định hướng nghiên cứu cho người khác một cách hiệu quả.
- PI 6.4: Phát triển kỹ năng hợp tác và làm việc nhóm để có thể chủ động thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hoá và xu thế hội nhập quốc tế.
- **PLO7:** *Xây dựng* kỹ năng học tập suốt đời nhằm nâng cao khả năng làm chủ các nguyên lý, học thuyết chuyên ngành trong lĩnh vực Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.
- PI 7.1: Phát triển khả năng tư duy phản biện và tư duy độc lập phục vụ công việc và sự phát triển của bản thân.
- PI 7.2: Thực hiện được kế hoạch phát triển các kỹ năng học tập suốt đời phù hợp với nhu cầu và năng lực của bản thân.
- PI 7.3: Đánh giá được kết quả cải thiện các kỹ năng học tập suốt đời của bản thân.
- **PLO8:** *Vận dụng* đạo đức nghề nghiệp và ý thức phục vụ nhân dân vào công việc và thực tế cuộc sống để có thể đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, khoa học-công nghệ của đất nước.
- PI 8.1: Vận dụng hiệu quả nghiệp vụ chuyên môn, kiến thức luật pháp và đạo đức nghề nghiệp để có thể giải quyết các vấn đề liên quan đến chất lượng sử dụng sinh ngữ trong cuộc sống.
- PI 8.2: Phát triển ý thức phục vụ nhân dân nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ của đất nước.

Ghi chú:

- + PLO: Chuẩn đầu ra CTĐT (Program Learning Outcome)
- + CLO: Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcome)
- + PI: Chỉ số đo lường hiệu suất (Performance Indicator)

III. TIÊU CHÍ TUYỂN SINH VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

1. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Điều 7, Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ; Quyết định số 3297/QĐ-ĐHĐN ngày 29/9/2021 của ĐHĐN ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ tiến sĩ; Quyết định số 1834/QĐ-ĐHNN ngày 09/11/2022 của ĐHNN ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và các quy định hiện hành của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng cụ thể như sau:

a. Điều kiện dự tuyển

Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng Giỏi trở lên ngành phù hợp; hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;
- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;
- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;
- Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

b. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;
- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Quyết định số 3297/QĐ-ĐHĐN ngày 29/09/2021 của Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ tiến sĩ và Quyết định số 1834/QĐ-ĐHNN ngày 09/11/2022 của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng về Quy chế tuyển sinh trình độ tiến sĩ;

c. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ theo Điều 19 Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT và Điều 35 Quyết định 1834/QĐ-ĐHNN về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ. Theo đó:

a) Nghiên cứu sinh được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

- Luận án của NCS được Hội đồng đánh giá luận án của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng thông qua;

- NCS đã nộp cho Trường (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

- NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam, Trung tâm Thông tin học liệu và Truyền thông – Đại học Đà Nẵng và Trung tâm Công nghệ thông tin và Học liệu – Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Trường.

- Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ giáo dục và Đào tạo thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 21 của Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định quy định tại điểm c khoản 3 Điều 20 của Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT.

- Không đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

b) Trường đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của NCS trên trang thông tin điện tử của trường (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi NCS đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Quyết định 1834/QĐ-ĐHNN.

c) Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 35 của Quyết định 1834/QĐ-ĐHNN, Trường tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho NCS

d) Trường lập hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ, bao gồm:

- Biên bản của buổi đánh giá luận án tại Trường;

- Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án của Trường;

- Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án;

- Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn NCS hoặc tập thể hướng dẫn NCS;

- Bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án (nếu có);

- Giấy xác nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam; Trung tâm thông tin học liệu và Truyền thông – Đại học Đà Nẵng và Trung tâm Công nghệ thông tin và Học liệu – Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng;

- Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật;

- Hồ sơ đánh giá luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Khoa;

e) Phòng Đào tạo tập hợp hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ và tiến hành thủ tục cấp bằng cho NCS khi NCS đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều Quyết định 1834/QĐ-ĐHNN;

f) Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án, hồ sơ xét công nhận tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ.

g) Sau khi đáp ứng các yêu cầu tại khoản 1 Điều Quyết định 1834/QĐ-ĐHNN, Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ cho NCS. Trường thực hiện cấp bằng tiến sĩ cho NCS trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

h) Phòng Đào tạo công bố công khai các thông tin liên quan về văn bằng trên trang thông tin điện tử của Trường và lưu trữ toàn bộ hồ sơ liên quan đến quá trình học tập, hồ sơ cấp bằng của NCS theo quy định.

IV. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo đối với Nghiên cứu sinh chưa có bằng Thạc sĩ

NCS chưa có bằng Thạc sĩ bắt buộc phải học các học phần bổ sung trước khi bắt đầu học các học phần ở bậc tiến sĩ. Học phần bổ sung là các học phần giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của NCS.

Các học phần bổ sung dành cho NCS chưa có bằng Thạc sĩ là các học phần của chương trình đào tạo Thạc sĩ Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu đang thực hiện đào tạo tại ĐHQĐN. NCS chưa có bằng Thạc sĩ sẽ học các học phần bổ sung như quy định trong năm đầu của thời gian đào tạo tiến sĩ và không phải làm luận văn thạc sĩ. Sau khi hoàn thành các học phần học bổ sung của chương trình thạc sĩ, NCS tiếp tục hoàn thành các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ. Theo đó, tổng số tín chỉ NCS chưa có bằng Thạc sĩ cần tích lũy bao gồm 120 tín chỉ, cụ thể như sau (xem Bảng 6):

+ **Học phần học bổ sung của chương trình đào tạo thạc sĩ:** 30 tín chỉ, bao gồm 20 tín chỉ bắt buộc và 10 tín chỉ tự chọn.

+ **Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ:** 90 tín chỉ, bao gồm 86 tín chỉ bắt buộc, công trình nghiên cứu khoa học bắt buộc (không tích lũy vào tổng số tín chỉ), và 4 tín chỉ tự chọn.

Bảng 6. Cấu trúc CTĐT tạo đối với NCS chưa có bằng Thạc sĩ Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu

I. Học phần học bổ sung				
Học kỳ	TT	Tên học phần	Số TC	Loại học phần
I	1	Triết học	4	Bắt buộc
	2	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	4	
	3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	
	4	Ngôn ngữ học đại cương	3	
	5	Ngôn ngữ học tri nhận	2	Tự chọn (4/10 tín chỉ)
	6	Phong cách học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)	2	
	7	Ngữ âm và âm vị học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)	2	
	8	Lý thuyết dịch	2	
	9	Từ vựng - Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)	2	
	TỔNG			18
II	10	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	Bắt buộc
	11	Ngôn ngữ học khối liệu	3	
	12	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)	2	Tự chọn (6/12 tín chỉ)
	13	Ngôn ngữ học văn bản	2	
	14	Thành phần câu tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)	2	
	15	Ứng dụng CNTT trong nghiên cứu và dạy học ngoại ngữ	2	
	16	Giao thoa văn hoá	2	
	17	Ngôn ngữ học xã hội	2	
	TỔNG			

II. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ				
III	18	Những vấn đề lý luận của ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu đương đại	2	Bắt buộc
	19	Ngôn ngữ học châu Âu - các trường phái sau Ferdinand de Saussure	2	
	20	Phân tích diễn ngôn phê phán	2	
	21	Phương pháp đối chiếu ngôn ngữ	2	
	22	Chuyển di ngôn ngữ	2	Tự chọn (4/12 tín chỉ)
	23	Một số vấn đề trong nghiên cứu dịch thuật tại Việt Nam	2	
	24	Một số vấn đề giao tiếp nội văn hoá và giao văn hoá	2	
	25	Các khuynh hướng ngữ pháp chức năng	2	
	26	Ngôn ngữ và Truyền thông	2	
	27	Đặc trưng văn hoá – dân tộc của ngôn ngữ và tư duy	2	
TỔNG			12	
IV - V	28	Cơ sở lý luận liên quan đến đề tài luận án (Chuyên đề 1)	2	Bắt buộc
	29	Phương pháp nghiên cứu của đề tài (Chuyên đề 2)	2	
	30	Kết quả thu thập, phân tích dữ liệu và so sánh, đối chiếu ban đầu của đề tài (Chuyên đề 3)	2	
	31	Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án (Tiểu luận tổng quan)	2	
	32	Nghiên cứu khoa học	Không tích lũy tín chỉ	
TỔNG			8	
VI	33	Luận án tiến sĩ	70	Bắt buộc
TỔNG			120 TÍN CHỈ	

2. Chương trình đào tạo đối với NCS đã có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần

Bằng Thạc sĩ chuyên ngành gần với ngành tiến sĩ Ngôn ngữ so sánh, đối chiếu. Đối với NCS đã có bằng Thạc sĩ ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo tiến sĩ, nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp quá 5 năm hoặc

do cơ sở đào tạo khác cấp thì trên cơ sở đối chiếu với các học phần bổ sung đã xác định, Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng sẽ xác định rõ học phần phải học bổ sung theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và của đề tài nghiên cứu dựa trên danh mục các học phần theo quy định. Theo đó, tổng số tín chỉ NCS đã có bằng Thạc sĩ chuyên ngành gần cần tích lũy phụ thuộc vào số lượng tín chỉ NCS có bằng Thạc sĩ chuyên ngành gần cần học bổ sung và được cụ thể như sau (Bảng 7):

Bảng 7. Cấu trúc CTĐT đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần

I. Học phần học bổ sung				
Học kỳ	TT	Tên học phần	Số TC	Loại học phần
I	1	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	Bắt buộc
	2	Ngôn ngữ học đại cương	3	
	3	Ngôn ngữ học đối chiếu	3	
	4	Phong cách học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)	2	Tự chọn (2/10 tín chỉ)
	5	Ngữ âm và âm vị học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)	2	
	6	Lý thuyết dịch	2	
	7	Từ vựng - Ngữ nghĩa học tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)	2	
	8	Ngôn ngữ học tri nhận	2	
	TỔNG			11
II	9	Ứng dụng CNTT trong nghiên cứu và dạy học ngoại ngữ	3	Bắt buộc
	10	Ngữ pháp tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)	3	
	11	Ngôn ngữ học khối liệu	3	
	12	Giao thoa văn hoá	2	Tự chọn (2/8 tín chỉ)
	13	Ngôn ngữ học văn bản	2	
	14	Thành phần câu tiếng Việt (có đối chiếu với các ngôn ngữ khác)	2	
	15	Ngôn ngữ học xã hội	2	

	TỔNG			11
II. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ				
III	16	Những vấn đề lý luận của ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu đương đại	2	Bắt buộc
	17	Ngôn ngữ học châu Âu - các trường phái sau Ferdinand de Saussure	2	
	18	Phân tích diễn ngôn phê phán	2	
	19	Phương pháp đối chiếu ngôn ngữ	2	
	20	Chuyển di ngôn ngữ	2	Tự chọn (4/12 tín chỉ)
	21	Một số vấn đề trong nghiên cứu dịch thuật tại Việt Nam	2	
	22	Một số vấn đề giao tiếp nội văn hoá và giao văn hoá	2	
	23	Các khuynh hướng ngữ pháp chức năng	2	
	24	Ngôn ngữ và Truyền thông	2	
	25	Đặc trưng văn hoá – dân tộc của ngôn ngữ và tư duy	2	
TỔNG			12	
IV - V	26	Cơ sở lý luận liên quan đến đề tài luận án (Chuyên đề 1)	2	Bắt buộc
	27	Phương pháp nghiên cứu của đề tài (Chuyên đề 2)	2	
	28	Kết quả thu thập, phân tích dữ liệu và so sánh, đối chiếu ban đầu của đề tài (Chuyên đề 3)	2	
	29	Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án (Tiểu luận tổng quan)	2	
	30	Nghiên cứu khoa học	Không tích lũy tín chỉ	
TỔNG			8	
VI	31	Luận án tiến sĩ	70	Bắt buộc
TỔNG			112 TÍN CHỈ	

3. Chương trình đào tạo đối với NCS đã có bằng thạc sĩ Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu.

NCS đã có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành không bắt buộc phải học các học phần bổ sung và học thẳng vào chương trình tiến sĩ. Cấu trúc chương trình đào tạo tiến sĩ Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu được cụ thể hóa trong Bảng 8.

Bảng 8. Cấu trúc CTĐT đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ				
Học kỳ	TT	Tên học phần	Số TC	Loại học phần
I – II	1	Những vấn đề lý luận của ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu đương đại	2	Bắt buộc
	2	Ngôn ngữ học châu Âu - các trường phái sau Ferdinand de Saussure	2	
	3	Phân tích điển ngôn phê phán	2	
	4	Phương pháp đối chiếu ngôn ngữ	2	
	5	Chuyển di ngôn ngữ	2	Tự chọn (4/12 tín chỉ)
	6	Một số vấn đề trong nghiên cứu dịch thuật tại Việt Nam	2	
	7	Một số vấn đề giao tiếp nội văn hoá và giao văn hoá	2	
	8	Các khuynh hướng ngữ pháp chức năng	2	
	9	Ngôn ngữ và Truyền thông	2	
	10	Đặc trưng văn hoá – dân tộc của ngôn ngữ và tư duy	2	
TỔNG			12	
III – IV	11	Cơ sở lý luận liên quan đến đề tài luận án (Chuyên đề 1)	2	Bắt buộc
	12	Phương pháp nghiên cứu của đề tài (Chuyên đề 2)	2	
	13	Kết quả thu thập, phân tích dữ liệu và so sánh, đối chiếu ban đầu của đề tài (Chuyên đề 3)	2	
	14	Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án (Tiểu luận tổng quan)	2	
	15	Nghiên cứu khoa học	Không tích lũy tín chỉ	
TỔNG			8	
V –	16	Luận án tiến sĩ	70	Bắt buộc

VI			
TỔNG			90 TÍN CHỈ

3.1. Nghiên cứu khoa học

Ngoài việc phải tích lũy đủ số lượng tín chỉ tối thiểu, NCS phải thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ và không tích lũy vào tổng số tín chỉ. Cụ thể như sau:

- a) Đã công bố tối thiểu 01 bài báo với vai trò là tác giả chính (tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ) về kết quả nghiên cứu trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí WoS/Scopus; hoặc tối thiểu 02 bài báo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN; hoặc 02 bài đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành nước ngoài có uy tín, có phản biện; hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành; hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành. Trường hợp bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước, tạp chí khoa học phải được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá từ 0,75 trở lên theo ngành đào tạo.
- b) Các công bố phải đạt tổng điểm tối thiểu từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.
- c) Yêu cầu tại điểm a, b khoản 8 của Quyết định 1834/QĐ-ĐHNN có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

3.2. Luận án tiến sĩ

- Luận án phải do NCS thực hiện và đáp ứng được những mục tiêu và yêu cầu theo quy định. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới.

- Nghiên cứu sinh trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 03 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu định kỳ 06 tháng/1 lần trong suốt thời gian thực hiện luận án.

- Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần và chương chính sau:

- + *Phần mở đầu*: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.

- + *Tổng quan về vấn đề nghiên cứu*: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và Phương pháp nghiên cứu;
- + *Nội dung, kết quả nghiên cứu*: trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; Phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và bàn luận;
- + *Kết luận và kiến nghị*: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;
- + *Danh mục các công trình* công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án;
- + *Danh mục tài liệu tham khảo* được trích dẫn và sử dụng trong luận án;
- + *Phụ lục* (nếu có)

- Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

- Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với Trường các văn bản của các thành viên trong tập thể đó đồng ý và cho phép NCS sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ lấy bằng tiến sĩ.

- Nếu sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị, cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

- Danh mục công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả theo thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án.

- Luận án cần trình bày theo đúng mẫu quy định của Trường một cách khoa học, rõ ràng, mạch lạc, không tẩy xoá.

3.3. Kế hoạch đào tạo

- Thời gian đào tạo chuẩn của trình độ tiến sĩ 04 năm (48 tháng); mỗi NCS có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn được phê duyệt kèm theo quyết định công nhận NCS.

- NCS được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá không quá 01 năm (12 tháng); hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận NCS có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Trường, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án của Trường.